TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19 /2020/QĐST-HNGĐ	*Hương Sơn, ngày 13 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh;

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện H1, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ vào các khoản 3,4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, các khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mưc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thị L và anh Nguyễn Đức C;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ con chung*: Anh Nguyễn Đức C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày: 22/11/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2.*Về quan hệ tài sản và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức C không có tài sản chung, không vay nợ chung và cũng như không ai vay nợ chị L, anh C tài sản gì nên không yêu C Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004745, ngày 19 tháng 02 năm 2020. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã S (để xóa đăng ký);
- Lưu hồ sơ, VP

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Thị Dung

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2014/QĐST-HNGĐ	*Hương Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2014.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 131, Điều 187 và 188 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 90, Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình;

Và khoản 1 điều 24; khoản 8, 11 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 16 Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Tối cao.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2014 về việc các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2014/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2014.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày: 18/7/2014 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hoàng Ngọc Huấn - Sinh ngày: 07/7/1977.

Chị Nguyễn Thị Quyên – Sinh ngày: 10/7/1979.

Đều trú quán: Xóm Tân Thủy, xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Ngọc Huấn - Sinh ngày: 07/7/1977.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Quyên – Sinh ngày: 10/7/1979.

Đều trú quán: Xóm Tân Thủy, xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* ***Về quan hệ con chung***: Chị Quyên trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thùy Linh, sinh ngày: 29/6/2011 đến18 tuổi. Anh Huấn cấp dưỡng tiền nuôi con chung của vợ chồng cho chị Quyên mỗi tháng 500.000 đồng. Thời gian tính từ tháng 8/2013. Phương thức cấp dưỡng anh Huấn cấp dưỡng tiền nuôi con chung của vợ chồng cho chị Quyên là hàng tháng chuyển qua số tài khoản 3714205021778. Ngân hàng AGRIBANK- Chủ tài khoản Nguyễn Thị Quyên.

Anh Hoàng Ngọc Huấn có quyền thăm nom con chung của vợ chồng không ai được ngăn cấm.

* ***Về quan hệ tài sản và nợ chung***: Anh Hoàng Ngọc Huấn và chị Nguyễn Thị Quyên đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu C Tòa án giải quyết.

**** Về án phí***: Anh Hoàng Ngọc Huấn tự nguyện nộp 100.000 (một trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 100.000 (một trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh Huấn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Sơn theo biên lai thu tiền số 004921 ngày 01/7/2014. Tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Huấn đã nộp đủ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- CCTHADS huyện Hương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN
Thẩm phán

Nguyễn Mạnh Cường